

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC QUỐC TẾ VIỆT PHÁP**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC QUỐC TẾ VIỆT PHÁP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109724441

**3. Ngày thành lập:** 30/07/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 34, ngách 66, ngõ 250 Đường Kim Giang, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0946.035.506

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                   | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm                                                          | 0132     |
| 2.  | Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò<br>(không hoạt động tại trụ sở)               | 0141     |
| 3.  | Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa<br>(không hoạt động tại trụ sở)         | 0142     |
| 4.  | Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai<br>(không hoạt động tại trụ sở)      | 0144     |
| 5.  | Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn<br>(không hoạt động tại trụ sở)                         | 0145     |
| 6.  | Chăn nuôi gia cầm<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                           | 0146     |
| 7.  | Xử lý hạt giống để nhân giống                                                               | 0164     |
| 8.  | Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp<br>(không hoạt động tại trụ sở)       | 0210     |
| 9.  | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản                                               | 1080     |
| 10. | Sản xuất hoá chất cơ bản<br>(Trừ hoá chất nhà nước cấm; không hoạt động tại trụ sở)         | 2011     |
| 11. | Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ<br>(không hoạt động tại trụ sở)                         | 2012     |
| 12. | Thoát nước và xử lý nước thải<br>(không hoạt động tại trụ sở)                               | 3700     |
| 13. | Thu gom rác thải không độc hại<br>(không hoạt động tại trụ sở)                              | 3811     |
| 14. | Thu gom rác thải độc hại<br>Chi tiết: Thu gom rác thải độc hại (không hoạt động tại trụ sở) | 3812     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                               |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 15. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                      | 3821 |
| 16. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại<br>Chi tiết: Xử lý chất thải độc hại (không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                          | 3822 |
| 17. | Tái chế phế liệu<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                              | 3830 |
| 18. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>Chi tiết: Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản (Trừ bán buôn động vật sống bị cấm)                                          | 4620 |
| 19. | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                                                                                                | 4631 |
| 20. | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt;<br>- Bán buôn thủy sản;<br>- Bán buôn rau, quả;<br>- Bán buôn cà phê;<br>- Bán buôn chè;<br>- Bán buôn thực phẩm chức năng                                        | 4632 |
| 21. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                              | 4633 |
| 22. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                        | 4653 |
| 23. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                               | 4659 |
| 24. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết:<br>Khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường) (Không hoạt động tại trụ sở) | 5510 |
| 25. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>(Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)                                                                                                                         | 5610 |
| 26. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Tư vấn chuyển giao khoa học kỹ thuật, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp                                                                   | 7490 |
| 27. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                        | 7710 |
| 28. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                | 7911 |
| 29. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                         | 7912 |
| 30. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                           | 7990 |
| 31. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                           | 8299 |

|     |                                                                                                                                                                     |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 32. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật;<br>- Bán buôn phân bón, hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp | 4669(Chính) |
| 33. | Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm                                                                                                                                 | 0131        |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 300.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức              | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN MẠNH QUANG | Số 252 Quang Trung, Phường Quang Trung, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 75.000     | 750.000.000           | 25,000    | 036092005059                                                                                |         |
|     |                   |                                                                                     | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                     | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                     | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                     | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                     | Tổng số                   | 75.000     | 750.000.000           | 25,000    |                                                                                             |         |

|   |                 |                                                                                             |                           |         |               |        |                  |  |
|---|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|------------------|--|
| 2 | VŨ NGỌC TÍNH    | 13/9/98 Đường Tô Hiến Thành, Phường Trường Thi, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 90.000  | 900.000.000   | 30,000 | 0360810008<br>71 |  |
|   |                 |                                                                                             | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |                 |                                                                                             | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |                 |                                                                                             | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |                 |                                                                                             | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |                 |                                                                                             | Tổng số                   | 90.000  | 900.000.000   | 30,000 |                  |  |
|   |                 |                                                                                             |                           |         |               |        |                  |  |
| 3 | TRẦN TRUNG KIÊN | Chung cư 210 Quang Trung, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam      | Cổ phần phổ thông         | 135.000 | 1.350.000.000 | 45,000 | 0400770008<br>53 |  |
|   |                 |                                                                                             | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |                 |                                                                                             | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |                 |                                                                                             | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |                 |                                                                                             | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |                 |                                                                                             | Tổng số                   | 135.000 | 1.350.000.000 | 45,000 |                  |  |
|   |                 |                                                                                             |                           |         |               |        |                  |  |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: VŨ NGỌC TÍNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 08/09/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036081000871

Ngày cấp: 20/05/2020

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: 13/9/98 Đường Tô Hiến Thành, Phường Trường Thi, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 13/9/98 Đường Tô Hiến Thành, Phường Trường Thi, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội